



Original Article

Education Quality Management through
the Indirect Assessment of Expected Learning Outcomes
in the Undergraduate Training Program
of Business Administration

Tran Ai Cam*

Nguyen Tat Thanh University, 300A Nguyen Tat Thanh, District 4, Ho Chi Minh City, Vietnam

Received 09 November 2022

Revised 27 March 2023; Accepted 31 March 2023

Abstract: Assessing graduates' achievements of expected learning outcomes (ELOs) is an issue that must be addressed today to guarantee that the program is designed and implemented in an adequate way that meets the social requirements. This research sets a theoretical framework for an indirect assessment of ELOs regarding all knowledge, skills, personal autonomy, and relative responsibility. The evaluation is implemented through surveys and questionnaires for the Undergraduate Training Program of Business Administration at Nguyen Tat Thanh University. The findings are compared to the results of the direct measurements and offer recommendations for improving and enhancing the program's quality.

Keywords: Expected learning outcomes, Assessment of Expected Learning Outcomes, Undergraduate Training Program of Business Administration.

* Corresponding author.

E-mail address: tranaicam@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4418>

Quản lý chất lượng giáo dục thông qua đánh giá gián tiếp mức độ đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đại học ngành quản trị kinh doanh

Trần Ái Cam*

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, 300A Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhận ngày 09 tháng 11 năm 2022

Chỉnh sửa ngày 27 tháng 3 năm 2023; Chấp nhận đăng ngày 31 tháng 3 năm 2023

Tóm tắt: Đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra (ELOs) của sinh viên tốt nghiệp (SVTN) là vấn đề cần được quan tâm hiện nay để đảm bảo chương trình đào tạo (CTĐT) được thiết kế và triển khai đáp ứng với yêu cầu của xã hội. Nghiên cứu này thiết lập khung lý thuyết để đánh giá gián tiếp mức độ đạt ELOs đối với tất cả các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ bản thân và trách nhiệm xã hội. Việc đánh giá được thực hiện thông qua khảo sát và bảng hỏi đối với CTĐT đại học ngành quản trị kinh doanh (QTKD) của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Các phát hiện được so sánh với kết quả đánh giá trực tiếp và làm cơ sở để đưa ra các khuyến nghị cải tiến và nâng cao chất lượng của chương trình đào tạo.

Keywords: Chất lượng giáo dục, chuẩn đầu ra, đánh giá chuẩn đầu ra, CTĐT đại học ngành QTKD.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục đại học cung ứng nguồn nhân lực trình độ cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Sự tương thích giữa năng lực được hình thành của SVTN và nhu cầu thị trường lao động luôn được đặt ra. Qua quá trình thu thập thông tin phản hồi hằng năm, các đơn vị sử dụng lao động thường phản ánh tình trạng cần được đào tạo bổ sung đối với SVTN. Để khắc phục tình trạng này, hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp đã được triển khai, đặc biệt đối với lĩnh vực đào tạo, hướng tới mục tiêu đào tạo theo chuẩn đầu ra [1]. Trước yêu cầu này, Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đã quy định, một trong những điều kiện để sinh viên được xét và công nhận tốt

nh nghiệp là phải đạt được đạt chuẩn đầu ra của CTĐT [2]. Trong lúc đó, kết quả kiểm định chất lượng các CTĐT theo Bộ tiêu chuẩn chất lượng theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT [3] cho thấy còn nhiều bất cập trong việc xây dựng CTĐT dựa vào chuẩn đầu ra. Đối với 40 CTĐT ngành QTKD của các cơ sở giáo dục đã được kiểm định trong cả nước, tỷ lệ đạt của các tiêu chí liên quan đến việc xây dựng chuẩn đầu ra của CTĐT và việc kiểm tra, đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của các học phần cũng chỉ tương đương so với tỷ lệ trung bình của các CTĐT thuộc các lĩnh vực khác (Bảng 1). Hơn thế nữa, việc đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của các CTĐT hầu như chưa được quan tâm nhiều và vẫn còn là một vấn đề còn để ngỏ đối với giáo dục đại học nước ta.

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: tranaicam@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4418>

Bảng 1. Đối sánh kết quả tỷ lệ đạt kiểm định chất lượng của 40 CTĐT ngành QTKD với 646 CTĐT của cả nước theo Thông tư 04 của Bộ GD&ĐT cho các tiêu chí (TC) liên quan đến chuẩn đầu ra

Tiêu chí	CTĐT QTKD (%)	CTĐT cả nước (%)
TC 1.2. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.	55,0	58,2
TC 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.	87,5	89,6
TC 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.	85,0	76,8
TC 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.	72,5	72,0

(Nguồn: tổng hợp từ các Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục).

Võ Nguyên Phương và Nguyễn Thị Bích Vân cho rằng, hoạt động dạy học dựa trên chuẩn đầu ra (OBE) đang được các trường đại học áp dụng khá rộng rãi, phổ quát với ba nhóm kiến thức, kỹ năng và thái độ [4]. Theo Lưu Khánh Linh, quá trình đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra có thể áp dụng kết hợp nhiều hình thức, lồng ghép trong quá trình dạy – học theo nguyên tắc liên kết cấu trúc gồm: Chuẩn đầu ra – Hoạt động dạy và học – Phương pháp kiểm tra, đánh giá để theo dõi, giám sát người học đạt được mức độ nào của chuẩn đầu ra của từng học phần [5]. Trên thế giới, việc đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra ở các nước OECD cũng đa dạng. Bên cạnh việc đánh giá tổng thể, có quốc gia chỉ tập trung vào việc đánh giá năng lực ngoại ngữ và công nghệ thông tin hoặc chỉ tập trung vào các kiến thức chuyên biệt, ngành nghề,... [6]. Ở nước ta, việc đánh giá đạt chuẩn đầu ra của CTĐT thông qua kết quả khảo sát ý kiến của SVTN đã được thực hiện [7].

Nghiên cứu này tiếp cận đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của CTĐT bằng phương pháp đánh giá gián tiếp, trong đó khung phân tích lý thuyết cho phương pháp được xây dựng và việc triển khai đánh giá gián tiếp được thực hiện thông qua khảo sát và phỏng vấn các bên liên quan. Quá trình đánh giá được áp dụng đối với CTĐT cử nhân ngành QTKD tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Kết quả được áp dụng để cải thiện

chính sách quản lý chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Một số khái niệm

2.1.1 Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra nói chung là khái niệm đề cập đến những thay đổi hoặc lợi ích mà người học đạt được qua quá trình học tập. Những thay đổi đó có thể được đo lường thông qua đánh giá năng lực hoặc thành tích cụ thể nào đó [8]. Theo Otter, chuẩn đầu ra là những gì người học biết hoặc có thể làm được nhờ kết quả học tập [9]. Trong giáo dục đại học, chuẩn đầu ra còn phải xem xét thêm những kết quả đạt được do trải nghiệm giáo dục đại học mang lại, hơn là do sự phát triển bình thường của cá nhân, sự trưởng thành về mặt xã hội và những ảnh hưởng khác ngoài tầm với của các cơ sở giáo dục đại học. Hơn thế nữa, cần xem xét chuẩn đầu ra đạt được do sinh viên tham gia vào tất cả các cơ hội học tập do các cơ sở giáo dục đại học mang lại. Đồng thời, khái niệm chuẩn đầu ra cũng phải được xem xét, phân biệt rõ với các chỉ số đánh giá chất lượng giáo dục thường được sử dụng khác như đầu vào, hoạt động dạy học và đầu ra. Các yếu tố đầu vào là các nguồn lực tài chính, con người và vật chất được sử dụng. Các hoạt động dạy học là các hoạt

động được thực hiện thông qua đó các đầu vào được huy động để tạo ra các đầu ra cụ thể, bao gồm việc thiết kế và tổ chức giảng dạy CTĐT. Đầu ra là tất cả các sản phẩm mà một tổ chức hoặc hệ thống tạo ra. Kết quả đầu ra của cơ sở giáo dục đại học có thể được đo lường bằng các bài báo khoa học được xuất bản, số lớp được giảng dạy, số học liệu đã biên soạn và số bằng cấp được trao,... Đầu vào, hoạt động dạy học và đầu ra của cơ sở giáo dục đại học ít có khả năng phản ánh trực tiếp giá trị nội tại về kết quả học tập của sinh viên, mà chỉ là những kết quả trung gian, gián tiếp đo lường chất lượng giáo dục [8].

Ở nước ta, Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT đã định nghĩa chuẩn đầu ra là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một chương trình đào tạo, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp [10]. Trong đó, năng lực là khả năng cá nhân đáp ứng các yêu cầu phức tạp và thực hiện thành công nhiệm vụ trong một bối cảnh cụ thể. Năng lực là tổng hợp nhiều khả năng và giá trị được cá nhân thể hiện thông qua các hoạt động có kết quả, được tích lũy trong quá trình học tập tại cơ sở giáo dục đại học và trong thời gian làm việc thực tế [11]. Parry thì cho rằng năng lực của SVTN được xem là khả năng của mỗi cá nhân có thể tham gia vào công việc, duy trì việc làm và có khả năng thích ứng khi chuyển đổi vị trí công việc trong cùng một tổ chức hoặc có thể thay đổi việc làm mới trong điều kiện cần thiết [12].

Theo AUN-QA, dạy học dựa trên OBE có thể hiểu là phương thức tiếp cận, xây dựng và vận hành chương trình dựa trên những kiến thức, kỹ năng mà người học sẽ tiếp thu và thể hiện được khi tốt nghiệp. OBE chú trọng vào các kết quả học tập, đảm bảo các kiến thức, kỹ năng, và thái độ mà người học cần lĩnh hội được xác định rõ ràng và chuyển tải thành kết quả học tập mong đợi có thể quan sát, đo lường và đánh giá được [13].

2.1.2. Lựa chọn chuẩn đầu ra để đánh giá

Trong khi việc xác định ý nghĩa của chuẩn đầu ra trong đối đơn giản thì vẫn đang có rất ít sự đồng thuận liên quan đến phạm vi và nội dung

dạy học. Kết quả học tập được mô tả bởi nhiều chỉ báo, một số chỉ báo dễ đo lường, nhưng nhiều chỉ báo đánh giá rất khó khăn. Một số CTĐT thực hiện tốt việc việc truyền thụ kiến thức chuyên ngành, còn có những CTĐT khác chỉ hiệu quả việc giảng dạy các kỹ năng hoặc năng lực chung. Không một đánh giá đơn lẻ nào có thể đo lường toàn diện tất cả chuẩn đầu ra cơ bản trong giáo dục đại học. Tuy nhiên, có thể chọn các chuẩn đầu ra phù hợp nhất với mục đích của cơ sở giáo dục để đánh giá, phù hợp mới với sứ mạng và mục tiêu của các cơ sở giáo dục trong từng hoàn cảnh cụ thể khác nhau [8].

i) Chuẩn đầu ra về nhận thức

Kết quả nhận thức đề cập đến việc nhớ lại hoặc nhận biết kiến thức, phát triển trí tuệ và kỹ năng. Theo nghĩa rộng hơn, chuẩn đầu ra về nhận thức bao gồm từ kiến thức chuyên ngành đến kỹ năng phổ quát [8].

- Chuẩn đầu ra kiến thức:

Các đánh giá về mức độ đạt chuẩn đầu ra kiến thức có thể tập trung vào kiến thức chung hoặc kiến thức chuyên ngành.

Kiến thức chung đề cập đến kiến thức cốt lõi và thiết yếu của một CTĐT. Một số bên liên quan cho rằng tất cả sinh viên đại học đều nên có một lượng kiến thức thiết yếu đó, như là một phần quan trọng của giáo dục đại học của một quốc gia, bất luận với tất cả lĩnh vực chuyên môn. Ví dụ, ở Brazil, kiến thức chung bao gồm các kiến thức về đa dạng sinh học và xã hội, chính sách công và các chủ đề liên quan đến các vấn đề của Brazil và quốc tế. Tuy nhiên, vì nội dung kiến thức chung thường chỉ chiếm một phần nhỏ trong những gì được giảng dạy trong các chương trình giáo dục đại học, nên việc chỉ sử dụng kết quả giáo dục đại cương làm chỉ số đánh giá chất lượng giáo dục là chưa đầy đủ. Kiến thức chuyên biệt được đánh giá tập trung vào kết quả học tập theo lĩnh vực cụ thể. Đánh giá này đặc biệt hữu ích để so sánh chất lượng đào tạo trong một lĩnh vực cụ thể giữa các cơ sở giáo dục đại học khác nhau. Các cơ sở giáo dục đại học chủ yếu phải chịu trách nhiệm về kiến thức chuyên môn mà sinh viên thu được trong lĩnh vực chính của họ.

- *Chuẩn đầu ra về kỹ năng:*

Các kỹ năng nhận thức dựa trên các quá trình tư duy phức tạp, chẳng hạn như lập luận định tính và định lượng, xử lý thông tin, lĩnh hội, hoạt động phân tích, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và đánh giá các ý tưởng mới. Các đánh giá nhằm so sánh mức độ đạt chuẩn đầu ra giữa các học phần khác nhau thường tập trung vào chuẩn đầu ra kỹ năng chung và chúng có thể chuyển đổi giữa các lĩnh vực, chủ đề và tình huống theo ngữ cảnh khác nhau [14]. Mức độ đạt chuẩn đầu ra kỹ năng chung có thể được đánh giá bằng cách sử dụng các bài kiểm tra dựa trên ứng dụng hơn là kiểm tra kiến thức. Đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng có thể cho phép đối sánh mức độ hiệu quả của các CTĐT và cơ sở giáo dục đại học với các sứ mạng và phương pháp dạy học khác nhau nhằm đạt được các kỹ năng chung ở người học.

Kỹ năng chuyên biệt của ngành (hoặc kỹ năng chuyên ngành/kỹ năng nghề nghiệp) là các kiểu tư duy được sử dụng trong một lĩnh vực học thuật rộng lớn, chẳng hạn như khoa học tự nhiên hoặc khoa học xã hội nhân văn. Một số ý kiến cho rằng mặc dù các kỹ năng học thuật là chuẩn đầu ra chung của giáo dục đại học, nhưng khó có thể được kiểm tra về mức độ đạt được một cách độc lập với các vấn đề liên quan đến môn học. Theo quan điểm này, các kỹ năng chuyên ngành có thể được đánh giá bằng cách cung cấp cho sinh viên tư liệu mới được trích từ chuyên ngành của họ và yêu cầu họ đánh giá chất lượng của minh chứng và sử dụng nó để viết các câu trả lời phức tạp [15].

ii) Chuẩn đầu ra về phi nhận thức

Sự phát triển của phạm trù phi nhận thức đề cập đến những thay đổi trong niềm tin hoặc sự phát triển của các giá trị nhất định [16]. Các tuyên bố về sứ mạng của cơ sở giáo dục đại học thường bao gồm các yếu tố phi nhận thức, điều này cho thấy đại học có vai trò vượt xa việc cung cấp kiến thức và kỹ năng. Chuẩn đầu ra phi nhận thức có thể được phát triển cả thông qua các hoạt động trong lớp học và cả các hoạt động ngoài lớp học do các cơ sở giáo dục đại học tổ chức để bổ sung cho chương trình giảng dạy.

Các nghiên cứu về chuẩn đầu ra phi nhận thức thường tập trung vào sự hiện diện hay vắng mặt của một số giai đoạn phát triển bản sắc đã được lý thuyết hóa. Pascarella và Terenzini cung cấp tổng hợp hơn 2.500 nghiên cứu về tác động của các trường đại học Hoa Kỳ đối với sinh viên của họ [14]. Các kết quả liên quan đến sự phát triển tâm lý xã hội, thái độ và giá trị xuất hiện trong số các biến được đánh giá thường xuyên nhất. Thái độ và giá trị có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và thường bị nhầm lẫn. Có thể phân biệt như sau, thái độ là niềm tin tập trung vào một đối tượng cụ thể, trong khi giá trị là tiêu chuẩn tổng quát vượt qua thái độ [14]. Chuẩn đầu ra về thái độ và giá trị có thể bao gồm trách nhiệm xã hội, động lực học tập và hiểu biết về sự đa dạng [17].

Một số nghiên cứu gợi ý rằng các chuẩn đầu ra về phi nhận thức có liên quan khá nhiều đến sự trưởng thành về mặt xã hội, ảnh hưởng thế hệ, hoặc “các sự kiện quan trọng trong đời” [14]. Mối liên hệ giữa các giá trị và niềm tin với các hoạt động và hành vi có thể quan sát không được thiết lập rõ ràng [14]. Do đó, mức độ đạt chuẩn đầu ra phi nhận thức thường được đo lường gián tiếp, thông qua bảng hỏi và khảo sát, bao gồm báo cáo của sinh viên, khảo sát của giảng viên và nhà tuyển dụng. Các biện pháp gián tiếp như vậy dựa trên nhận thức hoặc lập luận chủ quan. Kết quả có thể là những chỉ báo ít khách quan hơn về việc học của sinh viên so với các phép đo trực tiếp về kiến thức và kỹ năng.

2.2. Các phương pháp tiếp cận để đánh giá kết quả đạt được chuẩn đầu ra

Theo Lê Văn Hào, có hai phương pháp tiếp cận để đánh giá kết quả đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT là đánh giá trực tiếp (*direct assessment*) và đánh giá gián tiếp (*indirect assessment*) [18]. Đánh giá trực tiếp là việc thực hiện đo lường và phân tích kiến thức, kỹ năng và hành vi của người học dựa trên yêu cầu của chuẩn đầu ra. Đánh giá gián tiếp là phân tích và tổng hợp các nguồn thông tin mang tính cảm nhận chủ quan về kết quả học tập và các nguồn thông tin đo lường gián tiếp. Đánh giá trực tiếp có thể mang lại giá trị tốt hơn so với đánh giá

gián tiếp, tuy nhiên đánh giá gián tiếp cung cấp nhiều thông tin giá trị để bổ sung, so sánh, đặc biệt là đối với các chuẩn đầu ra khó hoặc không thể đánh giá trực tiếp, cần thu thập nhiều nguồn thông tin gián tiếp để đánh giá.

Có nhiều công cụ để hỗ trợ quá trình đánh giá chuẩn đầu ra của CTĐT, đối với đánh giá trực tiếp có thể thông qua đánh giá các môn học, thực tập, đồ án tốt nghiệp, các kỳ thi đánh giá năng lực đặc thù, các kỳ thi chuẩn hóa của Hội nghề nghiệp. Đối với đánh giá gián tiếp có thể thông qua khảo sát SVTN, khảo sát đơn vị sử dụng lao động (ĐVSĐLĐ), thảo luận nhóm của người học, tự đánh giá của người học về mức độ đạt được các chuẩn đầu ra [19].

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của SVTN ngành QTKD của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành so với yêu cầu của thị trường lao động.

Đối tượng khảo sát: SVTN và các ĐVSĐLĐ đã và đang sử dụng SVTN ngành QTKD của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp nghiên cứu phỏng vấn sâu và phương pháp đánh giá gián tiếp (thông qua khảo sát SVTN và ĐVSĐLĐ) đối với cả đầu ra liên quan trực tiếp đến mức độ nhân thức (cognitive outcomes) và phi nhận thức (non-cognitive outcomes).

Phương pháp phỏng vấn sâu: từ việc phân tích, tổng hợp các nghiên cứu đã thực hiện ở cùng lĩnh vực, nhóm nghiên cứu đề xuất khung lý thuyết cho nghiên cứu, làm cơ sở tiến hành phỏng vấn sâu lãnh đạo các ĐVSĐLĐ và SVTN đang làm việc tại đơn vị đó về các tiêu chí mà ĐVSĐLĐ hiện đang sử dụng để đánh giá mức độ đáp ứng với yêu cầu công việc của SVTN.

Phương pháp đánh giá gián tiếp: được thực hiện thông qua việc khảo sát đại diện các ĐVSĐLĐ và SVTN.

3.3. Cơ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Đối với phỏng vấn sâu: lựa chọn 05 lãnh đạo các ĐVSĐLĐ (có tuyển dụng SVTN của Trường) và 05 SVTN hiện đang làm việc.

Phương pháp chọn mẫu: chọn mẫu có chủ đích theo tiêu chí chọn mẫu.

Đối với phương pháp khảo sát để đánh giá gián tiếp: Kích thước mẫu nghiên cứu phù hợp để phân tích thống kê là cỡ mẫu quan sát tối thiểu được tính theo công thức sau: $N > 5 * X$ (với X là tổng số biến quan sát), phù hợp với tiếp cận của Hair và cộng sự [20].

Số lượng ĐVSĐLĐ được khảo sát (bảng hỏi có 20 biến quan sát): 101 ĐVSĐLĐ.

Số lượng SVTN khảo sát (bảng hỏi có 15 biến quan sát): 75 SVTN.

Cách thức chọn mẫu: ngẫu nhiên phân tầng dựa trên cơ sở dữ liệu về SVTN ngành QTKD và các ĐVSĐLĐ đã và đang có SVTN của Trường làm việc.

3.4. Công cụ nghiên cứu

Đối với phỏng vấn sâu: bảng câu hỏi gợi ý được thiết kế để lấy ý kiến về các tiêu chí sử dụng để đánh giá mức độ đáp ứng với yêu cầu công việc của SVTN.

Đối với khảo sát: bảng hỏi được thiết kế để đánh giá mức độ đáp ứng với công việc của SVTN ngành QTKD với cấu trúc gồm 3 phần: i) Giới thiệu mục tiêu khảo sát; ii) Thông tin người khảo sát; iii) Các câu hỏi đánh giá các nhóm nội dung của chuẩn đầu ra.

Đối với các chuẩn đầu ra về kiến thức và kỹ năng: được khảo sát theo 05 mức độ gồm: không thực hiện thành công, thực hiện thành công dưới sự hướng dẫn, thực hiện thành công không cần hướng dẫn nhưng chưa thạo, thành thạo, dạy lại cho người khác.

Đối với các chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: được khảo sát theo 05 mức độ: chưa thể hiện, thể hiện một cách tương đối, thể hiện rõ ràng, gương mẫu, truyền cảm hứng cho người khác.

Tỷ lệ đánh giá đạt chuẩn đầu ra: các tiêu chí đánh giá sử dụng thang đo 5 mức độ, khi đó

Giá trị khoảng cách = (Maximum - Minimum)/n
= (5-1)/5 = 0,8; tỷ lệ đánh giá đạt chuẩn đầu ra được tính từ 3,41 - 5 điểm (tương ứng từ 68,2% trở lên).

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thông tin chung

4.1.1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo cử nhân quản trị kinh doanh

Tại quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam có nêu rõ chuẩn đầu ra của người học sau khi tốt nghiệp tại trình độ đại học (bậc 6) được chia thành các chuẩn về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm [21]. Chuẩn đầu ra của CTĐT cử nhân QTKD của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành cũng được xây dựng theo tiếp cận đó (Bảng 2). Các chuẩn đầu ra ELO9, ELO10 được phân tách thành các chỉ báo chi tiết hơn cho phù hợp khi lấy ý kiến khảo sát.

Bảng 2. Các chuẩn đầu ra của CTĐT được ban hành và được triển khai đánh giá của CTĐT cử nhân QTKD, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

Chuẩn đầu ra	Ký hiệu	Nội dung các chuẩn đầu ra đã ban hành	Ký hiệu	Nội dung các chuẩn đầu ra triển khai đánh giá
Kiến thức	ELO1	Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, văn hóa, chính trị và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực ngành QTKD.	ELO1	- Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, văn hóa, chính trị và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực ngành QTKD.
	ELO2	Phân tích các xu hướng kinh doanh, nhu cầu thị trường, nguồn lực của tổ chức dựa trên việc vận dụng các khái niệm, các lý thuyết, các mô hình và các cách tiếp cận ngành QTKD.	ELO2	- Phân tích các xu hướng kinh doanh, nhu cầu thị trường, nguồn lực của tổ chức dựa trên việc vận dụng các khái niệm, các lý thuyết, các mô hình và các cách tiếp cận ngành QTKD.
	ELO3	Đánh giá tầm quan trọng của các tác động của các yếu tố trong môi trường, sự đa dạng và toàn cầu hóa đến tổ chức và các quyết định kinh doanh.	ELO3	- Đánh giá tầm quan trọng của các tác động của các yếu tố trong môi trường, sự đa dạng và toàn cầu hóa đến tổ chức và các quyết định kinh doanh.
	ELO4	Xây dựng chiến lược kinh doanh dựa trên quan điểm kinh doanh tích cực nhằm mang lợi ích cho khách hàng, cộng đồng và xã hội.	ELO4	- Xây dựng chiến lược kinh doanh dựa trên quan điểm kinh doanh tích cực nhằm mang lợi ích cho khách hàng, cộng đồng và xã hội.
	ELO5	Vận dụng các khung làm việc khác nhau, các kỹ năng về kỹ thuật và công nghệ hiện đại vào việc quản lý các lĩnh vực kinh doanh tổng hợp, marketing, xuất khẩu và bán hàng.	ELO5	- Vận dụng các khung làm việc khác nhau, các kỹ năng về kỹ thuật và công nghệ hiện đại vào việc quản lý các lĩnh vực kinh doanh tổng hợp, marketing, xuất khẩu và bán hàng.
	ELO6	Khảo cứu thông qua một hệ thống các hoạt động thu thập, phân tích và xử lý thông tin bằng các phương pháp định lượng; suy ngẫm, phán đoán và đưa ra kết luận cho các vấn đề kinh doanh.	ELO6	- Khảo cứu thông qua một hệ thống các hoạt động thu thập, phân tích và xử lý thông tin bằng các phương pháp định lượng; suy ngẫm, phán đoán và đưa ra kết luận cho các vấn đề kinh doanh.
Kỹ năng	ELO7	Sử dụng tiếng Anh chuyên môn, giao tiếp hiệu quả trong các bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau.	ELO7	- Sử dụng tiếng Anh chuyên môn.

	ELO8	Khả năng tự học, phối hợp làm việc với người khác một cách hiệu quả trong vai trò là một thành viên trong nhóm hay một nhà lãnh đạo truyền cảm hứng.	ELO8	Khả năng tự học, phối hợp làm việc.
	ELO9	Sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết vấn đề (tư duy phân tích, tư duy hệ thống, tư duy phản biện).	ELO9.1	Vận dụng tư duy phân tích.
			ELO9.2	Vận dụng tư duy hệ thống.
Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm	ELO10	Có lòng yêu nghề, tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội.	ELO10.1	Có lòng yêu nghề.
			ELO10.2	Có đạo đức nghề nghiệp.
	ELO10.3	- Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội.		
	ELO11	Thích ứng sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời.	ELO11	- Thích ứng sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời.

4.1.2. Dữ liệu phân tích

Bảng 3. Số phiếu khảo sát gửi đi và nhận về

Số phiếu	ĐVSĐLĐ	SVTN
Gửi đi	166	86
Nhận về	101	75
Tỷ lệ hồi đáp	60,8%	87,2%

Nghiên cứu thực hiện việc khảo sát và thu thập dữ liệu thông qua link google form, để đảm bảo tỷ lệ hồi đáp đúng cỡ mẫu dùng cho nghiên cứu. Nhóm nghiên cứu đã thực hiện liên lạc và gửi đường link cho 166 ĐVSĐLĐ và 86 SVTN. Tỷ lệ hồi đáp đạt được 60,8% đối với ĐVSĐLĐ, trong đó có 33,3% chức vụ lãnh đạo; 9,5% chức vụ quản lý và 19,05% chức vụ nhân viên. Về SVTN thì tỷ lệ hồi đáp là 87,2%, trong đó có 8% chức vụ quản lý và 84% chức vụ nhân viên (Bảng 3 và Bảng 4).

Bảng 4. Vị trí làm việc của các đối tượng tham gia khảo sát

Số phiếu	ĐVSĐLĐ	SVTN
Lãnh đạo	33,3%	0%
Quản lý	9,5%	8%
Nhân viên	19,05%	84%
Không xác định	38,09%	8%

4.1.3. Phản hồi của sinh viên tốt nghiệp về sự phù hợp của chương trình đào tạo đối với thực tế công việc

SVTN ngành QTKD phản hồi mức độ đáp ứng của CTĐT với vị trí công việc *đúng chuyên ngành* đạt tỷ lệ 32%, *liên quan đến ngành đào tạo* đạt tỷ lệ 48%, *không liên quan đến ngành đào tạo* đạt tỷ lệ 8%. Nhìn chung tỷ lệ SVTN làm không đúng chuyên ngành là thấp. Ngoài ra, SVTN cũng đồng thời phản hồi kiến thức chuyên môn đã được đào tạo ở Trường *rất phù hợp với thực tế* đạt tỷ lệ 24%, *phù hợp với thực tế* đạt tỷ lệ 32%, và *phù hợp với một phần thực tế* đạt tỷ lệ 44% (Bảng 5 và 6).

Bảng 5. Kết quả phản hồi về mức độ đáp ứng của CTĐT với vị trí công việc

Khoa QTKD	Đúng chuyên ngành đào tạo		Liên quan đến ngành đào tạo		Không liên quan đến ngành đào tạo		Không trả lời	
	(n)	(%)	(n)	(%)	(n)	(%)	(n)	(%)
	24	32	36	48	06	8	09	12

Bảng 6. Kết quả phản hồi về mức độ đáp ứng của kiến thức chuyên môn được đào tạo ở Trường

Khoa	Rất phù hợp với thực tế		Phù hợp với thực tế		Phù hợp với một phần thực tế		Không phù hợp với thực tế	
	(n)	(%)	(n)	(%)	(n)	(%)	(n)	(%)
QTKD	18	24	34	32	23	44	0	0

4.2. Kết quả đánh giá

4.2.1. Đánh giá gián tiếp mức độ đạt chuẩn đầu ra kiến thức

Chuẩn đầu ra kiến thức thường được đánh giá trực tiếp từ kết quả kiểm tra, đánh giá việc đạt chuẩn đầu ra của các học phần. Kết quả cho thấy, đối với các chuẩn đầu ra ELO1, ELO2, ELO3, ELO4, ELO5 và ELO6 có mức độ đạt lần

lượt là: 73,7%, 77,6%, 40,0%, 79,8%, 81,2% và 86,2%, tức là đều đạt so với mức quy định tối thiểu là 68,2%. Tuy nhiên, theo kết quả đánh giá trực tiếp này, chuẩn đầu ra ELO3 (*Đánh giá tầm quan trọng của các tác động của các yếu tố trong môi trường, sự đa dạng và toàn cầu hóa đến tổ chức và các quyết định kinh doanh*) của CTĐT chưa đạt yêu cầu (chỉ mới đạt 40%).

Bảng 7. Kết quả phản hồi về mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra về kiến thức của CTĐT

Nội dung	Phản hồi	Mức độ đánh giá										Tỷ lệ đạt chuẩn đầu ra		
		Không thực hiện thành công		Thực hiện thành công dưới sự hướng dẫn		Không cần hướng dẫn nhưng chưa thạo		Thành thạo		Dạy lại cho người khác				
Chuẩn đầu ra kiến thức		(n)	(%)	(n)	(%)	(n)	(%)	(n)	(%)	(n)	(%)	(n)	(%)	
1	ELO1	ĐVSĐLĐ	0	0	29	28,7	58	57,4	14	13,9	0	0	72	71,3
		SVTN	0	0	18	24,0	24	32,0	33	44,0	0	0	57	76,0
2	ELO2	ĐVSĐLĐ	0	0	29	28,7	14	13,9	58	57,4	0	0	72	71,3
		SVTN	3	4	15	20,0	30	40,0	27	36,0	0	0	57	76,0
3	ELO3	ĐVSĐLĐ	0	0	14	13,9	44	43,5	43	42,6	0	0	87	86,1
		SVTN	0	0	15	20,0	30	40,0	24	32,0	6	8	60	80,0
4	ELO4	ĐVSĐLĐ	0	0	29	28,7	29	28,7	43	42,6	0	0	72	71,3
		SVTN	0	0	9	12,0	39	52,0	21	28,0	6	8	66	88,0
5	ELO5	ĐVSĐLĐ	0	0	29	28,7	29	28,7	29	28,7	14	13,9	72	71,3
		SVTN	0	0	9	12,0	30	40,0	30	40,0	6	8	66	88,0
6	ELO6	ĐVSĐLĐ	0	0	14	13,9	73	72,2	14	13,9	0	0	87	86,1
		SVTN	0	0	15	12,0	39	52,0	21	28,0	0	0	60	80,0

Kết quả đánh giá gián tiếp cho các chuẩn đầu ra kiến thức dựa vào thông tin phản hồi của ĐVSĐLĐ và SVTN được trình bày trên Bảng 7. Nhận thấy rằng, tỷ lệ đạt các chuẩn đầu ra kiến thức dựa trên ý kiến phản hồi của ĐVSĐLĐ khá tập trung ở các mức “thực hiện thành công dưới sự hướng dẫn”, “thực hiện thành công không cần hướng dẫn nhưng chưa thạo” và “thành thạo” với kết quả tổng cộng dao động từ 71,3% - 86,1%, tức là tất cả đều đạt so với mức quy định tối thiểu là 68,2%. Kể cả đối với tiêu chí ELO3: trong khi đánh giá trực tiếp cho kết quả chưa đạt (40%), thì ở đây kết quả đã nhận được rất cao (86,1%).

Đặc biệt, một số năng lực nghề nghiệp chuyên môn của SVTN được ĐVSĐLĐ đánh giá rất cao như:

ELO3: thực hiện thành công không cần hướng dẫn nhưng chưa thạo trong việc “*Khảo cứu thông qua một hệ thống các hoạt động thu thập, phân tích và xử lý thông tin bằng các phương pháp định lượng; suy ngẫm phán đoán và đưa ra kết luận cho các vấn đề kinh doanh*”, chiếm tỷ lệ 72,2%.

ELO2: thành thạo trong việc “*Phân tích các xu hướng kinh doanh, nhu cầu của thị trường,*

nguồn lực của tổ chức dựa trên việc vận dụng các khái niệm, các lý thuyết, các mô hình, và cách tiếp cận của ngành QTKD”, chiếm tỷ lệ 57,4%

ELO5: dạy lại cho người khác khi “vận dụng các khung làm việc khác nhau, các kỹ năng về kỹ thuật và công nghệ hiện đại vào việc quản lý các lĩnh vực kinh doanh tổng hợp, marketing, xuất nhập khẩu và bán hàng”, chiếm tỷ lệ 13,9%.

Kết quả đánh giá gián tiếp từ phản hồi của SVTN (đạt từ mức 76% đến 88%) cũng không có sự chênh lệch quá lớn với phản hồi của ĐVSĐLĐ về mức độ đáp ứng. Trong đó, mức “thực hiện thành công không cần hướng dẫn nhưng chưa thạo” cũng được đánh giá tương đối cao, dao động từ 32%-52%. SVTN đã có khả năng dạy lại cho người khác ở các năng lực chuyên môn về ELO3-5. Ở đây, đối với chuẩn đầu ra ELO3, như đã nêu ở trên, trong khi đánh giá trực tiếp cho kết quả chưa đạt, thì kết quả đánh giá gián tiếp này đều đạt đối với cả hai đối tượng khảo sát.

4.2.2. Đánh giá gián tiếp chuẩn đầu ra kỹ năng

Cũng như chuẩn đầu ra kiến thức, chuẩn đầu ra kỹ năng ELO7-9 cũng đã được đánh giá trực tiếp từ các học phần với tỷ lệ đạt nằm trong

khoảng 81,2% đến 92,1%. Kết quả đánh giá gián tiếp các chuẩn đầu ra kỹ năng trong nghiên cứu này được trình bày trên Bảng 8. Nhận thấy rằng, đối với kết quả phản hồi ĐVSĐLĐ, với tỷ lệ đạt nhận được từ 72,3% (ELO9.1, ELO9.2 và ELO9.2) đến 100% (ELO8). Hơn thế nữa, SVTN được đánh giá cao là thực hiện thành công chuẩn đầu ra không cần hướng dẫn nhưng chưa thành thạo đối với các năng lực về sử dụng tiếng Anh chuyên môn (tỷ lệ 58,3%), khả năng tự học (tỷ lệ 72,2%); vận dụng tư duy phân tích (tỷ lệ 58,4%), vận dụng tư duy phản biện (tỷ lệ 58,4%).

4.2.3. Đánh giá gián tiếp chuẩn đầu ra năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

Kết quả phản hồi về mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm của CTĐT cử nhân QTKD được trình bày trên Bảng 9. Đối với cả hai đối tượng khảo sát, tỷ lệ đạt của các chuẩn đầu ra này thỏa mãn rất cao (từ 92 đến 100%) và chủ yếu tập trung ở ba mức hài lòng cao nhất: “thể hiện rõ ràng”, “gương mẫu” và “truyền cảm hứng cho người khác”. Đặc biệt, các ĐVSĐLĐ đánh giá người học đáp ứng chuẩn đầu ra ELO11 “Thích ứng sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời” với tỷ lệ đạt tuyệt đối 100%.

Bảng 8. Kết quả phản hồi về mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra kỹ năng của CTĐT cử nhân QTKD

	Nội dung	Phản hồi	Mức độ đánh giá										Tỷ lệ đạt chuẩn đầu ra kỹ năng	
			Không thực hiện thành công		Thực hiện thành công dưới sự hướng dẫn		Thành công không cần hướng dẫn nhưng chưa thạo		Thành thạo		Dạy lại cho người khác			
Chuẩn đầu ra kỹ năng			(n)	(%)	(n)	(%)	(n)	(%)	(n)	(%)	(n)	(%)	(n)	(%)
7	ELO7	ĐVSĐLĐ	0	0	14	13,9	59	58,3	28	27,8	0	0	87	86,1
		SVTN	6	8,0	15	20	39	52	15	20	0	0	54	72,0
8	ELO8	ĐVSĐLĐ	0	0	0	0	73	72,2	28	27,8	0	0	101	100
		SVTN	0	0	3	4	27	36	39	52	6	8	72	96,0
9	ELO9.1	ĐVSĐLĐ	0	0	28	27,8	59	58,4	14	13,9	0	0	73	72,3
		SVTN	0	0	3	4	21	28	39	52	12	16	72	96,0
10	ELO9.2	ĐVSĐLĐ	0	0	28	27,8	45	44,5	28	27,8	0	0	73	72,3
		SVTN	0	0	3	4	27	36	36	48	9	12	72	96,0
11	ELO9.3	ĐVSĐLĐ	14	13,9	0	0	59	58,3	28	27,8	0	0	87	86,1
		SVTN	0	0	12	16	27	36	24	32	12	16	63	84,0

Bảng 9. Kết quả phản hồi về mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm của CTĐT cử nhân QTKD

	Nội dung	Phản hồi	Mức độ đánh giá											
			Chưa thể hiện		Thể hiện một cách tương đối		Thể hiện rõ ràng		Gương mẫu		Truyền cảm hứng cho người khác		Tỷ lệ đạt chuẩn đầu ra	
			(n)	(%)	(n)	(%)	(n)	(%)	(n)	(%)	(n)	(%)	(n)	(%)
	Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm													
12	ELO10.1	ĐVSD LĐ	0	0	0	0	59	58,4	42	41,6	0	0	101	100
		SVTN	0	0	6	8	18	24	36	48	15	20	69	92
13	ELO10.2	ĐVSD LĐ	0	0	0	0	42	41,6	59	58,4	0	0	101	100
		SVTN	0	0	6	8	15	20	48	64	6	8	69	92
14	ELO10.3	ĐVSD LĐ	0	0	0	0	42	41,6	42	41,6	17	16,8	101	100
		SVTN	0	0	3	4	6	8	45	56	21	32	72	96
15	ELO11	ĐVSD LĐ	0	0	0	0	42	41,6	42	41,6	17	16,8	101	100
		SVTN	0	0	3	4	6	8	45	56	21	32	72	96

5. Gợi ý chính sách quản trị chất lượng thông qua kết quả đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Tiếp cận các cơ sở lý thuyết và kinh nghiệm đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra trên thế giới, nghiên cứu này đã lựa chọn phương pháp đánh giá cho cả ba nhóm chuẩn đầu ra – kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, trong đó việc đánh giá gián tiếp chuẩn đầu ra nhận thức (kiến thức và kỹ năng) là một cách làm mới, hỗ trợ hiệu quả cho phương pháp đánh giá trực tiếp.

Kết quả đánh giá cho thấy rằng các yếu tố đầu vào và các hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá của CTĐT cử nhân QTKD không những đã đạt được chuẩn đầu ra với kết quả cao mà còn nhận được mức độ hài lòng cao của các bên liên quan (ĐVSD LĐ và SVTN), trong đó có nhiều chuẩn đầu ra có mức độ hài lòng tuyệt đối. Đây là kết quả đánh giá khách quan, tương đối độc lập của một số bên liên quan nên có độ tin cậy tốt, giúp Trường Đại học Nguyễn Tất Thành tự tin cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực có chất lượng như đã cam kết và tuyên bố. Đồng thời, nhà trường cũng có thể nhận diện để tiếp tục cải tiến chất lượng, hướng đến cả chiến lược nâng cao yêu cầu chất lượng của chuẩn đầu ra.

Trong trường hợp, có thể gợi ý một số chính sách quản trị chất lượng giáo dục đại học thông qua việc đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của các CTĐT.

i) Tiếp tục rà soát, cải tiến các điều kiện đầu vào và hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá để nâng cao hơn nữa mức độ đạt chuẩn đầu ra đã tuyên bố, tập trung vào các mức độ hài lòng cao như, thành thạo, hướng dẫn được người khác hoặc gương mẫu và truyền cảm hứng. Đây mới là giai đoạn phân biệt và khẳng định chất lượng đào tạo giữa các trường và quan tâm hướng đến mức độ thành đạt của cựu người học;

ii) Doanh nghiệp không chỉ là một yếu tố trong quá trình thực hiện quy trình dạy học mà là một yếu tố trong hệ sinh thái đại học. Chính nhu cầu doanh nghiệp đặt hàng, giúp hình thành chuẩn chất lượng của cơ sở giáo dục và từ đó xác định chuẩn đầu ra của các CTĐT. Với sự tham gia sâu cả trước, trong và sau khi quá trình đào tạo đã kết thúc, doanh nghiệp thực sự đã chủ động chuẩn bị nguồn nhân lực cho mình. Với vai trò ngày càng lớn, nhất là các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp không chỉ nên dừng lại ở hoạt động nhận và hướng dẫn sinh viên thực tập. Đối với các loại hình doanh nghiệp đó, rất nên khuyến khích các doanh nghiệp chủ

động tổ chức đào tạo theo mô hình tín chỉ mini và tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận các kiến thức đó, trao đổi tín chỉ doanh nghiệp với nhà trường. Đối với các tín chỉ như vậy, doanh nghiệp đồng thời có thể tham gia thực hiện đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra cả gián tiếp và trực tiếp;

iii) Hiện nay, hệ thống giáo dục đại học chủ yếu tập trung vào định hướng đầu vào, dựa trên các quy tắc, quy định và đầu tư cho công tác tuyển sinh quá nặng nề. Trong khi đó, giáo dục dựa trên kết quả đầu ra đang là một xu thế mới. Một khi đã có thể chủ động đánh giá được mức độ đạt chuẩn đầu ra, các cơ sở giáo dục đại học có thể quan tâm và chuyển dần trọng số từ đánh giá đầu vào sang đánh giá kết quả đầu ra;

iv) Cuối cùng, cần đổi mới việc xây dựng chuẩn đầu ra theo hướng không chỉ khả thi cho việc đánh giá mức độ đạt được chất lượng do cơ sở giáo dục đại học đặt ra, mà còn phải hướng đến được việc đánh giá và phân biệt được chất lượng của các CTĐT giữa các cơ sở giáo dục đại học khác nhau. Đây mới là thông tin mà các bên liên quan, đặc biệt là người học lúc chọn trường và doanh nghiệp lúc tuyển dụng cần có nhất. Trong trường hợp này, giải pháp vẫn có thể còn hơi truyền thống, nhưng việc sử dụng ngân hàng câu hỏi đề thi đánh giá các học phần chung giữa các cơ sở giáo dục đại học có vẻ vẫn là hữu dụng.

Tài liệu tham khảo

- [1] T. A. Cam, N. D. Minh, Universities and Enterprises Cooperation, Experience in Implementation at Nguyen Tat Thanh University, Proceedings of the National Conference on Developing and Enhancing the Quality of Higher Education in a New Context, Association of Vietnam's Universities and Colleges, Hue University Publisher, 2022, pp. 233-242 (in Vietnamese).
- [2] Ministry of Education and Training, Circular Promulgating Regulation on Undergraduate Education, No. 08/2021/TT-BGDĐT, 2021 (in Vietnamese).
- [3] Ministry of Education and Training, Circular on Quality Assessment Standards for Higher Education Programs, No. 04/2016/TT-BGDĐT, 2016 (in Vietnamese).
- [4] V. N. Phuong, N. T. B. Van, Assess the Response Level of Students Majoring in Finance and Accounting at Van Lang University to the Requirements of Employers, Journal of Accounting and Auditing, August 2018 (in Vietnamese).
- [5] L. K. Linh, Research on Student Assessment and Student Assessment Orientation according to the Program's Learning Outcomes in Higher Education, Vietnam Journal of Education, Iss. 483, 2020, pp. 6-12 (in Vietnamese).
- [6] K. E. Zegwaard, E. Khoo, A. Adam, Graduate Competencies and Competence: Science and Engineering Employers' Perspectives, Conference: 3rd International Research Symposium on Cooperative and Work-Integrated Education, 2018.
- [7] P. T. Yen et al., Model to Assess the Output Competency of International Studies Graduates in Vietnam, Vietnam Journal of Education, Vol. 436, 2018, pp. 21-28 (in Vietnamese).
- [8] D. Nusche, Assessment of Learning Outcomes in Higher Education: a Comparative Review of Selected Practices, OECD Education Working Papers, OECD Publishing, © OECD, No. 15, 2008, <https://doi.org/10.1787/244257272573>.
- [9] S. Otter, Learning Outcomes in Higher Educational, A Development Project Report, Unit for the Development of Adult Continuing Education (UDACE), 1992.
- [10] Ministry of Education and Training, Circular on Providing for Standards, Formulation, Appraisal and Promulgation of Training Programs of Higher Education, No.17/2021/TT-BGDĐT, 2021 (in Vietnamese).
- [11] OECD, Definition and Selection of Competencies, DeSeCo, Theoretical and Conceptual Foundations: Strategy Paper, 2002.
- [12] B. S. Parry, Just What Is a Competency? and Why Should You Care?, Training Minneapolis, Vol. 35, 1998, pp. 58-64.
- [13] AUN-QA, Guide to AUN-QA Assessment at Programme Level Version 4.0, 2020.
- [14] E. T. Pascarella, P. T. Terenzini, How College Affects Students. A Third Decade of Research, Jossey-Bass, San Francisco, CA, Vol. 2, 2005.
- [15] AAC&U, Our Students' Best Work: A Framework for Accountability Worthy of Our Mission, A Statement from the Board of Directors of AAC&U, Washington, DC, 2004.

- [16] P. Ewell, Applying Learning Outcomes Concepts to Higher Education: An Overview, prepared for the University Grants Committee, 2005, http://www.hku.hk/caut/seminar/download/OBA_1st_report.pdf (accessed on: October 18th, 2022).
- [17] J. F. Volkwein, Implementing Outcomes Assessment on your Campus, Research and Planning E-Journal, Vol. 1, No.1, 2003, http://www.rpgroup.org/publications/eJournal/volume_1/Volkwein_article.pdf (accessed on: October 18th, 2022).
- [18] L. V. Hao, Teaching Methods, Learning Activities, and Assessment to Achieve Expected Learning Outcomes, Accreditation Training Materials, Saigon Center for Education Accreditation (CEA Saigon), 2023 (in Vietnamese).
- [19] P. V. Tuan, N. T. A. Thu, Lessons learned on Outcomes-Based Assessment and Measuring the Level of Achieving Expected Learning Outcomes at ASEAN Universities, Proceedings of the Third Quality Conference, 2023, pp. 76-85 (in Vietnamese).
- [20] J. F. Hair, R. E. Anderson, R. L. Tatham, W. C. Black, Factor Analysis, Multivariate Data Analysis, NJ Prentice-Hall, 1998, pp. 98-99.
- [21] Prime Minister, Decision on Approval For Vietnamese Qualifications Framework, No. 1982/QĐ-TTg, 2016 (in Vietnamese).